



yī fu

衣服

Noun · clothes

Example Sentences

nǐ de yī fu zhēn hǎo kàn zài nǎ lǐ mǎi de
你的衣服真好看，在哪里买的？

Your clothes are really nice, where did you buy them?

qǐng bǎ yī fu guà dào yī guì lǐ
请把衣服挂到衣柜里。

Please hang the clothes in the wardrobe.

wǒ hái méi yǒu xǐ zhè xiē yī fu
我还没有洗这些衣服。

I haven't washed these clothes yet.

Trace each character, then write the word on your own.

衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣		
服	服	服	服	服	服	服	服	服	服	服